TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1080/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 698/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 721/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1975; Địa chỉ: 204/3/4 đường B, tổ 7, ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 27/6/2022 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Bà Trần Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn S tự nguyện sống chung từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 05 quyển số 01 cấp ngày 11/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hòa thuận tại xã P, huyện C. Đến đầu năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, đã xảy ra nhiều cãi vã. Ông S thường xuyên đánh đập, khủng bố tinh thần, làm bà nhiều lần hoảng sợ. Bà cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng ông S không thay đổi. Bà đã bỏ nhà đi về quê mẹ bà ở Bình Phước sống đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc,

mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về nuôi con chung: Bà xác định có 01 con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 27/02/2006. Do sau khi sống ly thân, bà để trẻ Hữu T sống chung với ông S. Bà nhận thấy ông S chăm sóc con chung tốt nên có nguyện vọng để ông S trực tiếp nuôi dưỡng con và bà cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 27/6/2022, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại ấp C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn S tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05 ngày 11/02/2020, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã không thể tiếp tục sống chung được nữa. Mặc dù bà đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn S là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định trong quá trình sống chung, bà và ông S có Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 27/02/2006. Bà trình bày do bà bỏ đi, không có điều kiện chăm sóc con chung, nên trẻ Hữu T đang sống chung với ông

Sáng, bà đồng ý để ông S tiếp tục trực tiếp nuôi conc hung và bà có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, đồng thời bị đơn hông hợp tác để Tòa án tiến hành lấy ý kiến của trẻ Hữu T. Do vậy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao trẻ Hữu T cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, bà D xác định cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đồng. Đây là sự tự nguyện của bà D, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về mức cấp dưỡng uôi con, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà Trần Thị D.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn S.

(Quan hệ vợ chồng giữa Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn S được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số:05 ngày 11/02/2020 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên: Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 27/02/2006 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 (Một triệu) đồng, bắt đầu thi hành từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Địa điểm thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bà Trần Thị D chậm thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn S thì Bà Trần Thị D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc Bà Trần Thị D phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0045055 ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; Bà Trần Thị D phải nộp án phí bổ sung là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
-UBND xã Phước Hiệp, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thơ